



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

(NIÊN ĐỘ TỪ NGÀY 01/07/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2026)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



---

## MỤC LỤC

### NỘI DUNG

### TRANG

- |   |        |
|---|--------|
| 1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG                 | 1 - 4  |
| 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 5      |
| 3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG           | 6 - 7  |
| 4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG    | 8 - 26 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.962.820.679.013</b>	<b>1.996.453.547.285</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>16.779.278.391</b>	<b>15.832.012.423</b>
1. Tiền	111		13.240.905.496	12.350.035.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.538.372.895	3.481.976.836
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>110.222.832.294</b>	<b>89.736.222.328</b>
1. Kinh doanh chứng khoán	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2	110.222.832.294	89.736.222.328
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>273.827.275.985</b>	<b>304.849.926.089</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.1	33.065.494.062	23.480.804.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.2	174.083.764.074	200.782.661.391
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4	30.228.736.720	42.800.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	5	62.794.553.331	64.168.016.618
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	6	(26.345.272.202)	(26.381.556.602)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.499.797.989.055</b>	<b>1.585.310.700.202</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	1.513.051.451.948	1.601.683.510.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(13.253.462.893)	(16.372.810.397)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>62.193.303.288</b>	<b>724.686.243</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	57.748.800.557	610.438.459
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.364.313.289	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		80.189.442	114.247.784
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.319.677.948.121</b>	<b>1.374.020.398.486</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	4	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>670.756.519.541</b>	<b>693.919.126.464</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	633.958.215.864	656.037.353.506
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.824.935.857.218	2.819.777.894.323
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.190.977.641.354)	(2.163.740.540.817)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	10	36.798.303.677	37.881.772.958
	<i>Nguyên giá</i>	228		47.425.838.413	47.425.838.413
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.627.534.736)	(9.544.065.455)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>304.217.704.906</b>	<b>300.946.425.503</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	304.217.704.906	300.946.425.503
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>306.602.155.680</b>	<b>340.905.864.544</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		306.746.610.952	306.746.610.952
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.500.000.000	21.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	5.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(106.895.601.072)	(94.746.351.235)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		80.000.000.000	102.154.459.027
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.101.567.994</b>	<b>38.248.981.975</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	8	37.479.722.950	38.248.981.975
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		621.845.044	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>3.282.498.627.134</b>	<b>3.370.473.945.771</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>1.528.167.032.836</b>	<b>1.604.390.555.411</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>1.500.804.733.836</b>	<b>1.577.908.442.292</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	75.240.768.569	150.947.063.814
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	56.260.471.742	81.888.319.868
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	8.005.067.004	34.150.404.633
4.	Phải trả người lao động	314		3.691.844.796	14.567.089.456
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	15.715.079.311	4.840.471.535
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	17	56.608.436.717	14.320.174.316
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.222.759.024.831	1.224.228.998.852
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		62.524.040.866	52.965.919.818
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>27.362.299.000</b>	<b>26.482.113.119</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6.	Phải trả dài hạn khác	337		1.000.000.000	1.000.000.000
7.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	5.735.000.000	3.735.000.000
8.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
12.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	20.627.299.000	21.747.113.119

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>1.754.331.594.298</b>	<b>1.766.083.390.360</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.754.331.594.298</b>	<b>1.766.083.390.360</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		857.416.230.000	857.416.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		857.416.230.000	857.416.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		609.503.301.471	598.378.787.910
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		95.956.730.026	118.833.039.649
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		421a		53.713.201.028	7.587.904.041
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		42.243.528.998	111.245.135.608
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422			
<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432	22	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>3.282.498.627.134</b>	<b>3.370.473.945.771</b>

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026**

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ 01/07 đến 31/12	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	542.021.134.238	543.006.233.903	908.872.303.273	1.001.426.368.882
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		542.021.134.238	543.006.233.903	908.872.303.273	1.001.426.368.882
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	469.096.045.829	496.408.065.872	786.903.994.293	900.343.174.238
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.925.088.409	46.598.168.031	121.968.308.980	101.083.194.644
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	1.235.147.709	5.561.197.264	6.332.562.455	9.088.072.069
7.	Chi phí tài chính	22	VI. 4	30.109.365.447	12.535.657.072	45.836.783.973	24.850.031.999
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.723.126.756	10.578.527.625	32.367.047.751	19.672.973.787
8.	Chi phí bán hàng	25	VI. 5	8.687.113.140	12.816.109.921	15.535.505.691	23.249.078.132
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 6	8.818.710.785	6.806.081.275	16.441.012.307	14.610.969.837
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.545.046.746	20.001.517.027	50.487.569.464	47.461.186.745
11.	Thu nhập khác	31	VI. 7	1.763.376.416	1.135.783.945	1.824.415.994	1.137.887.945
12.	Chi phí khác	32	VI. 8	991.029.833	169.033.869	2.063.389.456	453.911.419
13.	Lợi nhuận khác	40		772.346.583	966.750.076	(238.973.462)	683.976.526
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.317.393.329	20.968.267.103	50.248.596.002	48.145.163.271
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.392.173.549	2.700.108.113	8.005.067.004	6.807.652.017
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.925.219.780	18.268.158.990	42.243.528.998	41.337.511.254

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/07/2025 đến 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	50.248.596.002	48.145.163.271
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	35.361.336.726	39.160.482.157
- Các khoản dự phòng	03	9.029.902.333	(7.788.664.727)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	1.565.056.758
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.973.882.535)	(5.785.505.617)
- Chi phí lãi vay	06	32.367.047.751	19.672.973.787
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	120.033.000.277	94.969.505.629
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	26.564.242.891	169.957.837.200
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	88.632.058.651	(258.460.470.779)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(119.002.561.115)	3.719.497.715
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(56.369.103.073)	(33.967.599.491)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.826.430.938)	(19.515.151.362)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.289.599.466)	(18.497.031.314)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(934.833.258)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.741.607.227</b>	<b>(62.728.245.660)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.066.962.762)	(47.812.594.797)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.346.584.083	1.134.465.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.323.431.061)	(47.430.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.378.530.122	76.965.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.343.309.230	8.519.122.402
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.321.970.388)</b>	<b>(8.624.006.941)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.202.499.585.529	1.019.461.100.312
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.201.969.559.550)	(940.041.431.961)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.396.850)	(997.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>527.629.129</b>	<b>79.418.670.851</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>947.265.968</b>	<b>8.066.418.250</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>15.832.012.423</b>	<b>36.828.566.477</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		22.938.777
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16.779.278.391</b>	<b>44.917.923.504</b>

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

##### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle Net Suite).

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Tiền thuê đất, thuê kho trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

### 12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

### 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ Khoản 3 - Điều 19 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong suốt thời gian hoạt động là 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm cây trồng và chế biến nông lâm, thủy sản).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	85.085.416	90.667.354
Tiền gửi ngân hàng	13.155.820.080	12.259.368.233
Các khoản tương đương tiền	3.538.372.895	3.481.976.836
<b>Cộng</b>	<b><u>16.779.278.391</u></b>	<b><u>15.832.012.423</u></b>

**2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	110.222.832.294	89.736.222.328
<b>Cộng</b>	<b><u>110.222.832.294</u></b>	<b><u>89.736.222.328</u></b>

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phương Huy Linh	2.973.473.518	-
Công ty TNHH RED BULL (Việt Nam)	5.866.878.600	-
CÔNG TY TNHH BIA CARLSBERG VIỆT NAM	-	729.382.500
CÔNG TY MUA BÁN ĐIỆN	-	2.932.884.839
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.225.141.944	19.818.537.343
<b>Cộng</b>	<b><u>33.065.494.062</u></b>	<b><u>23.480.804.682</u></b>

**3.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	151.242.299.079	195.071.362.953
Trả trước cho người bán tại VPCT	22.841.464.995	5.711.298.438
<b>Cộng</b>	<b><u>174.083.764.074</u></b>	<b><u>200.782.661.391</u></b>

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	30.228.736.720	42.800.000.000

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

<b>Ngắn hạn</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	<i>5.638.986.387</i>	<i>4.998.680.900</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	8.504.060.306	8.504.060.306
<i>Tiền hỗ trợ phân bón</i>	41.899.988.575	42.899.988.575
Tạm ứng	352.239.608	233.210.077
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	735.000.000	1.896.845.044
Các khoản phải thu khác	5.176.466.929	5.635.231.716
<b>Cộng</b>	<b>62.794.553.331</b>	<b>64.168.016.618</b>
<b>6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>(26.381.556.602)</b>	
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	36.284.400	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(26.345.272.202)</b>	
<b>7. HÀNG TỒN KHO</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	325.310.802.237	28.095.101.387
Công cụ, dụng cụ	2.852.578.302	1.579.744.485
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.382.317.517	9.258.124.848
Thành phẩm	1.063.478.038.626	1.557.646.164.823
Hàng hóa	78.027.715.266	5.104.375.056
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.253.462.893)	(16.372.810.397)
<b>Cộng</b>	<b>1.499.797.989.055</b>	<b>1.585.310.700.202</b>
<b>8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Số đầu năm	610.438.459	
Số cuối kỳ	57.748.800.557	
<b>Dài hạn</b>		
Số đầu năm	38.248.981.975	
Số cuối kỳ	37.479.722.950	

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	540.613.606.048	2.216.042.354.250	47.498.361.620	15.090.182.405	533.390.000	2.819.777.894.323
Tăng trong kỳ	242.001.214	11.940.386.096	613.296.049			12.795.683.359
<i>Mua sắm mới</i>		<i>11.940.386.096</i>	<i>613.296.049</i>			<i>12.553.682.145</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>242.001.214</i>					<i>242.001.214</i>
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ	680.875.769	6.808.024.295		148.820.400		7.637.720.464
<i>Giảm do thanh lý nhượng bán</i>	<i>680.875.769</i>	<i>6.808.024.295</i>		<i>148.820.400</i>		<i>7.637.720.464</i>
<i>Giảm khác</i>						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>540.174.731.493</b>	<b>2.221.174.716.051</b>	<b>48.111.657.669</b>	<b>14.941.362.005</b>	<b>533.390.000</b>	<b>2.824.935.857.218</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	329.043.489.864	1.776.401.932.418	42.826.948.488	15.033.854.295	434.315.752	2.163.740.540.817
Tăng trong kỳ	9.433.472.065	24.308.938.847	506.324.549	24.792.964	4.339.020	34.277.867.445
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>9.433.472.065</i>	<i>24.308.938.847</i>	<i>506.324.549</i>	<i>24.792.964</i>	<i>4.339.020</i>	<i>34.277.867.445</i>
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong kỳ	524.850.099	6.367.096.409		148.820.400		7.040.766.908
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	<i>524.850.099</i>	<i>6.367.096.409</i>		<i>148.820.400</i>		<i>7.040.766.908</i>
<i>Giảm khác</i>						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>337.952.111.830</b>	<b>1.794.343.774.856</b>	<b>43.333.273.037</b>	<b>14.909.826.859</b>	<b>438.654.772</b>	<b>2.190.977.641.354</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>211.570.116.184</b>	<b>439.640.421.832</b>	<b>4.671.413.132</b>	<b>56.328.110</b>	<b>99.074.248</b>	<b>656.037.353.506</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>202.222.619.663</b>	<b>426.830.941.195</b>	<b>4.778.384.632</b>	<b>31.535.146</b>	<b>94.735.228</b>	<b>633.958.215.864</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	32.195.577.517	15.230.260.896	47.425.838.413
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.195.577.517</b>	<b>15.230.260.896</b>	<b>47.425.838.413</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.880.826.308	6.663.239.147	9.544.065.455
Tăng trong kỳ do khấu hao	131.577.975	951.891.306	1.083.469.281
Giảm khác			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.012.404.283</b>	<b>7.615.130.453</b>	<b>10.627.534.736</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<b>29.314.751.209</b>	<b>8.567.021.749</b>	<b>37.881.772.958</b>
Số cuối kỳ	<b>29.183.173.234</b>	<b>7.615.130.443</b>	<b>36.798.303.677</b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	1.300.925.925	562.000.000
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	16.334.134.603	17.082.021.569
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	277.682.598.852	275.463.035.159
Dự án đầu tư dây chuyền chiết chai PET/LON	8.014.498.054	7.839.368.775
Dự án khác	885.547.472	-
<b>Cộng</b>	<b>304.217.704.906</b>	<b>300.946.425.503</b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>306.746.610.952</b>	<b>306.746.610.952</b>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thành An - Lam Sơn</i>	8.300.000.000	8.300.000.000
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	100.737.621.024	100.737.621.024
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	13.950.000.000	13.950.000.000
<i>Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng</i>	21.396.593.886	21.396.593.886
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước</i>	13.500.000.000	13.500.000.000
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	9.862.396.042	9.862.396.042

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	139.000.000.000	139.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>21.500.000.000</b>	<b>21.500.000.000</b>
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	21.500.000.000	21.500.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>5.251.145.800</b>	<b>5.251.145.800</b>
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	2.974.645.800	2.974.645.800
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	2.276.500.000	2.276.500.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>102.154.459.027</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(106.895.601.072)</b>	<b>(94.746.351.235)</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	26.714.938.508	118.287.229.347
Phải trả tại VPCT	46.892.704.217	31.141.279.444
Phải trả tại các đơn vị	1.633.125.844	1.518.555.023
<b>Cộng</b>	<b>75.240.768.569</b>	<b>150.947.063.814</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	56.260.471.742	81.888.319.868
<b>Cộng</b>	<b>56.260.471.742</b>	<b>81.888.319.868</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	13.860.805.167
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.005.067.004	20.289.599.466
Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.005.067.004</b>	<b>34.150.404.633</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp  
Đường, mật ri , điện, nước mía, sữa gạo

Không chịu thuế  
10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý II năm 2025/2026:

	<u>Năm nay</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.317.393.329</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán</b>	
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.963.763.661
<i>Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất</i>	<i>739.861.819</i>
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ có NG trên 1.6 tỷ đồng</i>	<i>119.701.842</i>
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không chuyên trách</i>	<i>81.000.000</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	-
<i>Khoản trích lập dự phòng phải thu</i>	-
<i>Các khoản khác</i>	<i>1.023.200.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>29.281.156.990</b>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.392.173.549</b>
<b>Thuế TNDN năm trước</b>	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>22.925.219.780</b>

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	15.715.079.311	4.840.471.535
<b>Cộng</b>	<b>15.715.079.311</b>	<b>4.840.471.535</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	-	1.134.275.200
Kinh phí công đoàn	2.268.251.312	2.363.807.562
Hoàn ứng	817.095.724	517.483.845
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.523.089.681	10.304.607.709
<b>Cộng</b>	<b>56.608.436.717</b>	<b>14.320.174.316</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng, tổ chức khác	1.222.759.024.831	1.222.228.998.852
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.222.759.024.831</u></b>	<b><u>1.224.228.998.852</u></b>

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	5.735.000.000	3.735.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.735.000.000</u></b>	<b><u>3.735.000.000</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay đối tượng khác	3.735.000.000	2.000.000.000	-	5.735.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.735.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.735.000.000</u></b>

**20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	20.627.299.000	21.747.113.119
<b>Cộng</b>	<b><u>20.627.299.000</u></b>	<b><u>21.747.113.119</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>801.350.510.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>589.325.869.293</b>	<b>121.826.986.776</b>	<b>1.703.958.698.870</b>
Lợi nhuận năm trước					-
Lợi nhuận năm nay				111.245.135.608	111.245.135.608
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			9.052.918.617	(9.052.918.617)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(9.052.918.617)	(9.052.918.617)
Chia cổ tức bằng tiền mặt				(40.067.525.501)	(40.067.525.501)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	56.065.720.000			(56.065.720.000)	-
Các khoản khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>857.416.230.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>598.378.787.910</b>	<b>118.833.039.649</b>	<b>1.766.083.390.360</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>857.416.230.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>598.378.787.910</b>	<b>118.833.039.649</b>	<b>1.766.083.390.360</b>
Lợi nhuận năm trước					
Lợi nhuận năm nay				42.243.528.998	42.243.528.998
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			11.124.513.561	(11.124.513.561)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(11.124.513.560)	(11.124.513.560)
Chia cổ tức bằng tiền mặt				(42.870.811.500)	(42.870.811.500)
Các khoản khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>857.416.230.000</b>	<b>191.455.332.801</b>	<b>609.503.301.471</b>	<b>95.956.730.026</b>	<b>1.754.331.594.298</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	857.416.230.000	857.416.230.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
<b>Cộng</b>	<b><u>1.048.871.562.801</u></b>	<b><u>1.048.871.562.801</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	85.741.623	85.741.623
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	85.741.623	85.741.623
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.741.623	85.741.623
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85.741.623	85.741.623
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	85.741.623	85.741.623

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

**Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA QUÝ II NĂM TÀI CHÍNH 2025/2026:****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Giai đoạn 01/10 đến 31/12</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>542.021.134.238</b>	<b>543.006.233.903</b>
Doanh thu bán hàng hóa	112.860.122.221	87.924.066.189
Doanh thu bán thành phẩm	427.270.002.268	452.005.973.559
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	1.891.009.749	3.076.194.155
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>542.021.134.238</b>	<b>543.006.233.903</b>
Doanh thu bán hàng hóa	112.860.122.221	87.924.066.189
Doanh thu bán thành phẩm	427.270.002.268	452.005.973.559
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	1.891.009.749	3.076.194.155

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	112.902.714.814	86.969.136.647
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	354.537.343.673	406.407.913.426
Giá vốn của dịch vụ, hàng bán khác	1.655.987.342	3.031.015.799
<b>Cộng</b>	<b>469.096.045.829</b>	<b>496.408.065.872</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.157.672.326	574.612.430
Lãi tiền cho vay	836.521.411	1.000.477.121
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.971.144.428)	2.706.988.285
Lãi đầu tư trái phiếu	1.183.306.721	897.890.411
Lãi khác	28.791.679	381.229.017
<b>Cộng</b>	<b>1.235.147.709</b>	<b>5.561.197.264</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.723.126.756	10.578.527.625
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	12.149.249.837	-
Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	145.109.825	1.730.144.480
Chiết khấu thanh toán	1.091.879.029	-
Chi phí khác	-	226.984.967
<b>Cộng</b>	<b>30.109.365.447</b>	<b>12.535.657.072</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	740.325.366	2.207.355.855
Chi phí khấu hao TSCĐ	915.593.817	625.609.011
Chi phí vận chuyển	1.325.216.885	6.177.993.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.063.082.367	1.094.259.142
Chi phí bằng tiền khác	1.642.894.705	2.710.892.724
<b>Cộng</b>	<b>8.687.113.140</b>	<b>12.816.109.921</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.132.442.846	675.823.467
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.287.057.119	2.345.868.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	806.920.797	1.026.132.996
Chi phí quản lý bằng tiền khác	3.592.290.023	2.758.256.651
<b>Cộng</b>	<b>8.818.710.785</b>	<b>6.806.081.275</b>

**7. THU NHẬP KHÁC**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	1.725.523.035	1.134.465.454
Thu nhập khác	37.853.381	1.318.491
<b>Cộng</b>	<b>1.763.376.416</b>	<b>1.135.783.945</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	556.198.410	47.702.570
Chi phí khác	434.831.423	121.331.299
<b>Cộng</b>	<b>991.029.833</b>	<b>169.033.869</b>

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II - năm 2025/2026	22.925.219.780
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	85.741.623
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>267</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ như sau:

	<b>Năm nay</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	85.741.623
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>85.741.623</b>

**VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
		31/12/2025	01/07/2025
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		<b>31/12/2025</b>	<b>01/07/2025</b>
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	59,80	59,89
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	40,20	40,11
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46,55	47,60
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,45	52,40
<b>Khả năng thanh toán</b>		<b>31/12/2025</b>	<b>01/07/2025</b>
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,15	2,10
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,31	1,28
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,01	0,01
<b>Tỷ suất sinh lời từ 01/10 đến 31/12:</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	5,04	3,86
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	4,23	3,36
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	5,04	5,99
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	4,23	5,09
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,83	0,69
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,70	0,60
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	<b>1,31</b>	<b>1,07</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

### 2. Báo cáo bộ phận

#### Theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về đường và các loại sản phẩm nông nghiệp khác. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

#### Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/10/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/10/2024 đến 31/12/2024
<b>Giao dịch mua hàng</b>			
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	Công ty con	1.799.653.824	1.094.259.142
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	351.920.610	333.715.140
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	2.904.843.562	5.197.390.000
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	7.967.313.728	10.626.058.875
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	569.420.770	662.934.750
<b>Giao dịch bán hàng</b>			
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	340.842.028	316.784.452
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	Công ty con	105.261.233.024	112.996.062.569
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	340.107.960	939.349.929
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	543.051.049	465.600.001
Công ty TNHH Thành An - Lam Sơn	Công ty con	97.741.987	63.274.246

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 01/07/2025 và ngày 31/12/2025, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	1.489.531.291	1.767.303.561
Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Công ty con	13.220.823.889	22.209.147.335
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	3.049.238.562	112.361.685.000
Công ty CP ĐPTT Lam Sơn Bá Thước	Công ty con	5.873.187.053	5.873.187.053

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Phải thu khách hàng**

Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	Công ty con	4.556.699.704	2.687.215.126

**Người mua trả trước**

Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	Công ty con	-	-
-------------------------------	-------------	---	---

**Phải thu ngắn hạn khác**

Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH NN CNC mía đường Lam Sơn	Công ty con	487.811.526	-
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	5.638.986.387	4.998.680.900

**Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	30.228.736.720	42.800.000.000
----------------------------------	-------------	----------------	----------------

**4. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Từ 01/10/2025	Từ 01/10/2024
			đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
			VND	VND
1	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	329.612.462	398.970.000
2	Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	166.130.923	208.381.231
3	Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	125.669.385	155.455.231
4	Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	41.000.000	61.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	40.000.000	60.000.000
6	Ông Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	149.916.923	167.343.846
7	Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	76.233.846	88.135.154
8	Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	75.671.538	92.002.154
9	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	75.329.231	88.126.154
10	Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	24.398.000	83.914.615
11	Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	76.126.067	99.081.138
12	Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát	61.322.923	72.939.446
13	Ông Nguyễn Thành Tâm (Miễn nhiệm ngày 11/10/2024)	Thành viên Ban Kiểm soát	-	7.000.000
14	Bà Nguyễn Thị Hồng An (Bổ nhiệm ngày 11/10/2024)	Thành viên Ban Kiểm soát	40.513.077	41.111.157
<b>Tổng</b>			<b>1.281.924.375</b>	<b>1.623.460.126</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Lợi nhuận sau thuế Quý II niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026 đạt 22.925.219.780 đồng, tăng 25,49% so với cùng kỳ năm tài chính 2024/2025, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/10 đến 31/12		
		Năm nay (đ)	Năm trước (đ)	Tăng giảm (%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	542.021.134.238	543.006.233.903	-0,18%
2	Giá vốn hàng bán	469.096.045.829	496.408.065.872	-5,50%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.925.088.409	46.598.168.031	56,50%
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	13,45%	8,58%	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	1.235.147.709	5.561.197.264	-77,79%
6	Chi phí tài chính	30.109.365.447	12.535.657.072	140,19%
7	Chi phí bán hàng	8.687.113.140	12.816.109.921	-32,22%
8	Chi phí quản lý	8.818.710.785	6.806.081.275	29,57%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.925.219.780	18.268.158.990	25,49%

**Nguyên nhân:**

Doanh thu năm nay giảm 0,18%, trong khi đó Giá vốn giảm 5,5% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 56,5% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 77,79%, Chi phí tài chính tăng 140,19% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí bán hàng năm nay giảm 32,22%, chi phí quản lý tăng 29,57% so với cùng kỳ năm trước.

Do đó, tuy Lợi nhuận gộp có tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng các khoản chi phí như: Chi phí tài chính, chi phí quản lý tăng mạnh nên dẫn đến Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý II niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026 chỉ tăng 25,49% so với cùng kỳ năm trước.

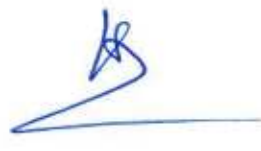
Lập ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



Lê Đức Anh

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương